

STT	Mã sinh viên	Họ lót	Tên	Mã lớp	QT	ĐT	HP
1	2120170719	Làm Lý	An	CCQ2017M	9	7.6	8.2
2	2121210090	Ngô Đình Hùng	Anh	CCQ2121C	7.5	7.2	7.3
3	2121210109	Phan Thị Vân	Anh	CCQ2121D	9.5	8.4	8.8
4	2120010002	Huỳnh Hồng	Ánh	CCQ2001A	9	7.6	8.2
5	2121210108	Bạch Thị Tri	Âm	CCQ2121D	8	7.4	7.6
6	2121210087	Y Tùng	Bkrông	CCQ2121C	6.5	5.6	6.0
7	2121210083	Nguyễn Thị Kim	Cúc	CCQ2121C	8	5	6.2
8	2120170458	Nguyễn Đăng	Cường	CCQ2017N	7.5	7.6	7.6
9	2120170720	Lù Dịu	Duy	CCQ2017M	9	7.6	8.2
10	2120170430	Lê Sĩ	Đạt	CCQ2017M	7.5	7	7.2
11	2121210073	Phạm Thúy	Diệp	CCQ2121C	8	7.4	7.6
12	2121210076	Võ Thị Tố	Đoan	CCQ2121C		4.6	2.8
13	2121210084	Võ Tấn	Đô	CCQ2121C	8	7.6	7.8
14	2120170461	Trần Văn	Đủ	CCQ2017N	7.5	8.6	8.2
15	2120170257	Lê Huỳnh	Đức	CCQ2017H	7.5	5.8	6.5
16	2120010003	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	CCQ2001A	8	6.6	7.2
17	2121210072	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	CCQ2121C	7.5	4.6	5.8
18	2121140035	Lê Minh	Hiếu	CCQ2114A			0.0
19	2121210112	Lê Đức	Hoài	CCQ2121D	8	6.8	7.3
20	2120010004	Nguyễn Thị	Hoan	CCQ2001A	7.5	6.2	6.7
21	2121030166	Lê Sỹ	Hoàng	CCQ2103D	8	8.2	8.1
22	2121210086	Giang Thành	Hùng	CCQ2121C	8	6.4	7.0
23	2120170698	Nguyễn Văn	Hùng	CCQ2017H	8	7.4	7.6
24	2121210102	Lương Trần Tiến	Huy	CCQ2121C	7	7.4	7.2
25	2120170466	Nguyễn Gia	Huy	CCQ2017N	7.5	7.4	7.4
26	2121210091	Sử Nhất	Huy	CCQ2121C			0.0
27	2121210100	Lê Chí	Hữu	CCQ2121C	8.5	8	8.2
28	2120170468	Nguyễn Quang	Khải	CCQ2017N	8	7.4	7.6
29	2120200041	Trần Anh	Kiệt	CCQ2017M	8	6.4	7.0
30	2121240154	Kon Sơ K	Lan	CCQ2124F	7.5	6.2	6.7
31	2120170725	Phan Huỳnh	Lâm	CCQ2017N	8	7.8	7.9
32	2121210088	Lê Giảng Huyền	Mai	CCQ2121C	6.5	6.8	6.7
33	2121210098	Châu Thị Ngọc	Minh	CCQ2121C	0		0.0
34	2121210094	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	CCQ2121C	8	7	7.4
35	2120170470	Tô Hoài	Nam	CCQ2017N	7.5	5.6	6.4
36	2121210097	Trần Văn	Nam	CCQ2121C	8	7.4	7.6
37	2119130017	Đào Hồng	Ngân	CCQ1913A	8	5.8	6.7
38	2121210106	Hồ Thị Bích	Ngọc	CCQ2121D	7.5	5.4	6.2
39	2121210113	Dương Thị Hồng	Ngọc	CCQ2121D	8.5	7.2	7.7
40	2121210115	Võ Thị Như	Nguyệt	CCQ2121D	7.5	7	7.2
41	2121210074	Nguyễn Văn	Nhân	CCQ2121C	8	6.8	7.3
42	2121210103	Huỳnh Như	Nhật	CCQ2121C	8	8.4	8.2
43	2121210104	Phạm Thị Yến	Nhi	CCQ2121C	8	8.2	8.1
44	2121210092	Võ Thị Ngọc	Nhi	CCQ2121C	7.5	6.4	6.8
45	2120170617	Nguyễn Tuấn	Núp	CCQ2017R	7	6.6	6.8
46	2120170582	Huỳnh Kim	Phát	CCQ2017Q	7	7	7.0
47	2121210111	Đình Quốc	Phong	CCQ2121D	8	5.6	6.6
48	2120170739	Cao Trọng	Phúc	CCQ2017P	8	7.6	7.8
49	2121210110	Đoàn Thị Ngọc	Phương	CCQ2121D	8	7.6	7.8

50	2121210078	Nguyễn Đăng Hoài	Phương	CCQ2121C	7.5	6	6.6
51	2120170451	Dương Minh	Quân	CCQ2017M	7.5	6.8	7.1
52	2120170620	Hồ Anh	Quân	CCQ2017R	6.5	7	6.8
53	2120170479	Nguyễn Hồng	Quân	CCQ2017N	7.5	7	7.2
54	2121210095	Nguyễn Thị Bích	Qui	CCQ2121C	8	6	6.8
55	2120170511	Vòng Dành	Quốc	CCQ2017O	7	7.2	7.1
56	2120170584	Lê Tấn	Quyền	CCQ2017Q	7	7.4	7.2
57	2120170236	Tô Tấn	Tài	CCQ2017G	8	3.6	5.4
58	2120170163	Lê Đức	Tánh	CCQ2017E	8.5	6	7.0
59	2121210096	Nguyễn Thị Thu	Tâm	CCQ2121C	9.5	8.4	8.8
60	2121210082	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	CCQ2121C	0		0.0
61	2121210080	Nguyễn Thị Thư	Thảo	CCQ2121C	7.5	6.6	7.0
62	2121210075	Phan Thị	Thảo	CCQ2121C	9.5	8.2	8.7
63	2120170239	Lê Văn	Thắng	CCQ2017G	8.5	5.6	6.8
64	2121210079	Nguyễn Anh	Thị	CCQ2121C	0		0.0
65	2121210101	Bùi Mỹ	Thịnh	CCQ2121C	8.5	8.4	8.4
66	2120170748	Trần Văn	Thịnh	CCQ2017R	6.5	7	6.8
67	2121210099	Lê Minh	Thoa	CCQ2121C	8.5	7.2	7.7
68	2121210105	Lê Hồ Minh	Thơ	CCQ2121C	8	8.2	8.1
69	2120170487	Vũ Đức	Tiến	CCQ2017N	8	7.4	7.6
70	2121210089	Huỳnh Yến Hồng	Trang	CCQ2121C	6.5	6.4	6.4
71	2121210107	Nguyễn Trần Tuyết	Trâm	CCQ2121D	7.5	7.6	7.6
72	2121210071	Phan Thị Ngọc	Trân	CCQ2121C	8	7.4	7.6
73	2120170629	Phạm Minh	Trí	CCQ2017R	7	7.2	7.1
74	2121210085	Phạm Bảo	Trinh	CCQ2121C	6.5	8	7.4
75	2120170789	Tô Minh	Trường	CCQ2017M	8.5	8	8.2
76	2121210093	Trần Quang	Trường	CCQ2121C	0	6	3.6
77	2120170730	Triệu Văn	Tú	CCQ2017N	8	7.2	7.5
78	2121210114	Hồ Thị Thanh	Vi	CCQ2121D	7.5	5.6	6.4
79	2121210081	Nguyễn Ngọc	Việt	CCQ2121C	8	6.8	7.3
80	2120170281	Võ Đình	Việt	CCQ2017H	7.5	7.4	7.4
81	2120170457	Nguyễn Tuấn	Vũ	CCQ2017M	0.5	5.6	3.6
82	2121210077	Lê Thị Tường	Vy	CCQ2121C	7.5	5.6	6.4